

# Lịch sử vùng biển Việt Nam - Campuchia

PHẠM THỊ HỒNG PHƯỢNG\*

## 1. Đặc điểm chung vùng biển Việt Nam - Campuchia

Vùng biển Việt Nam - Campuchia nằm trong vịnh Thái Lan, là phần phía Tây của biển Đông, tạo thành một vùng lõm rộng trên bờ biển phía Nam của lục địa Đông Dương, Vịnh Thái Lan trải dài từ vĩ tuyến  $5^{\circ}$  đến  $14^{\circ}$  Bắc và từ kinh tuyến  $99^{\circ}$  đến  $105^{\circ}$  Đông và kết thúc ở phía Bắc Đông Bắc ở mũi Cà Mau tại  $8^{\circ} 36'$  Bắc-  $102^{\circ} 21'$  Đông. Vùng biển Việt Nam - Campuchia là một biển nửa kín, với diện tích khoảng  $300.000\text{km}^2$ , giới hạn bởi bờ biển của bốn nước Thái Lan, Việt Nam, Malaixia và Campuchia. Vịnh thông ra biển Đông ở phía Nam bằng một cửa duy nhất hợp bởi mũi Cà Mau và mũi Trenggranu cách nhau chừng  $400\text{km}$  ( $215$  hải lý). Vịnh khá dài (chừng  $450$  hải lý) nhưng có diện tích nhỏ, chiều rộng trung bình là  $385\text{km}$  ( $208$  hải lý). Ngoài ra vịnh có khoảng  $200$  đảo, đảo nhỏ chủ yếu tập trung vào phần phía Đông và gần bờ biển. Đó là yếu tố làm phức tạp hoá không những

việc phân định ranh giới các vùng biển giữa Việt Nam và Campuchia mà còn cả đối với việc phân định biển giữa một bên là Campuchia và Việt Nam với bên kia là Thái Lan.

Vùng biển giữa Việt Nam - Campuchia trong vịnh Thái Lan có trên  $100$  đảo lớn nhỏ như Phú Quốc, quần đảo Thổ Chu (Poulo Panjang), đảo Wai (Poulo Wai), quần đảo Hải Tặc, đảo Phú Dự, hòn Tiên Mới... Phần lớn các đảo có diện tích nhỏ, trừ Phú Quốc ( $600\text{km}^2$ ), đảo Thổ Chu khoảng  $10\text{km}^2$ , đảo Phú Dự  $25\text{km}^2$ , Hòn Dứa  $6\text{km}^2$ . Các đảo còn lại có diện tích từ vài trăm mét vuông đến  $1-2\text{km}^2$ . Dân cư thường sống ở các đảo có nước ngọt và có điều kiện phát triển kinh tế riêng. Họ sống chủ yếu bằng nghề đánh cá. Trên đảo Phú Quốc ngoài nghề cá người dân còn sống bằng chăn nuôi và trồng cao su, hồ tiêu.

Độ sâu khu vực giữa các đảo không cao, giữa Thổ Chu và đảo Phú Dự trung bình là  $20\text{m}$ , quanh quần đảo Thổ Chu độ sâu lớn nhất là  $40\text{m}$ . Như vậy nếu

---

\* ThS. Phạm Thị Hồng Phượng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

mực nước hạ đi 40m, vùng biển gần bờ biển phía Đông của vịnh Thái Lan này, nằm giữa đảo Koh Rong, Koh Pring (Campuchia), Hòn Trọc, quần đảo Hòn Khoai sẽ là một đồng bằng rộng lớn, các đảo trong vùng trở thành các núi nhỏ, đảo cao nhất không quá 100m.

Đảo Phú Quốc dài 45km, rộng 3km cách Kampot (Campuchia) 14 hải lý và Hà Tiên (Việt Nam) 25km. Nơi đây có đất đai phì nhiêu màu mỡ và thuận lợi cho trồng trọt. Đảo được bao phủ phần lớn bởi rừng, có nhiều loài cây quý hiếm. Bờ biển phía Đông nhiều nguy hiểm vì có những mỏm đá ngầm, san hô và những bãi cạn nửa nổi nửa chìm, ở một số nơi chúng rộng tới 3 hải lý, những đảo hoàn toàn an toàn, trên đảo có nhiều giếng nước ngọt.

Phía Nam Phú Quốc có quần đảo An Thới với khoảng hai chục đảo nhỏ. Phía trong đảo này có nhiều núi, ngọn núi cao nhất đến 641m.

Đảo Phú Quốc sản xuất nhiều nước mắm có giá trị cao và nổi tiếng. Thủ phủ của đảo là Dương Đông, gần bờ biển phía Tây. Tổng số dân trên đảo khoảng hơn năm chục nghìn người.

Trong lịch sử, Gia Long (1802-1820), vị vua đầu tiên của triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam đã lãnh nạn phong trào nông dân Tây Sơn ra nương náu ở đảo này (1771-1802) và có lẽ đã đặt tên đảo là Phục quốc, sau gọi trệt đi là Phú Quốc.

Các đảo ven bờ:

- Hòn Tai (Koh Antay), cách Kép 3km. Đảo rộng khoảng 2km<sup>2</sup> và có nhiều cây

che phủ. Quân đội Campuchia chiếm đóng đảo từ năm 1958.

- Hòn Tre Nam (đảo ở phía Bắc Koh Po). Đảo này nằm cách đảo Pic khoảng 1,6 hải lý và quân lực Campuchia cũng chiếm đóng từ năm 1958.

- Hòn Kiến Vàng (Koh Angrang), cách mũi Nai của Hà Tiên 8km, diện tích đảo nhỏ chừng 200m<sup>2</sup> và từ năm 1960 nằm dưới sự chiếm đóng của người Campuchia.

- Phía Bắc của đảo Phú Quốc có hai đảo khá quan trọng khác. Đảo Phú Dự (Koh Thmey), cách bờ biển Kampot 0,5 hải lý. Diện tích đảo 25km<sup>2</sup>, chỗ cao nhất là 175m. Đảo có tài nguyên phong phú, phía Tây có đồng bằng khá phì nhiêu, trồng trọt thuận tiện, phía Đông Bắc có sông nước ngọt...

Các đảo ngoài khơi:

Đó là quần đảo Thổ Chu của Việt Nam và Poulo Wai của Campuchia. Đảo Poulo Wai cách mũi Tây Bắc Phú Quốc 59 hải lý, gồm hai đảo có diện tích tương đương, cách quần đảo Thổ Chu 45 hải lý. Quần đảo Thổ Chu gồm 8 đảo, quần đảo này nằm xa nhất trong vịnh, cách đảo Phú Quốc chừng 55 hải lý, gần đường hàng hải lại có diện tích từ 10m<sup>2</sup> đến 1km<sup>2</sup>. Dân cư sinh sống chủ yếu ở đảo Thổ Chu, làm nghề đánh cá và khai thác rừng.

## 2. Lịch sử vấn đề biên giới biển Việt Nam - Campuchia

Cuối thế kỷ 17, vùng Hà Tiên là một nơi ít người sinh sống nằm dọc theo vịnh Xiêm, đường thông ra biển khơi có

nhiều đảo bị kín. Ở đó chủ yếu có ngư dân và cướp biển.

Vào đầu thế kỷ 18, Mạc Cửu, xuất thân từ một gia đình Trung Quốc quý tộc có quyền thế ở Long Châu thuộc tỉnh Quảng Đông do đối lập với nhà Thanh phải lánh nạn sang Campuchia. Không bao lâu sau ông chiếm được một vị trí quan trọng trong triều vua U đông. Vì hiểu rằng vị trí của mình trong triều là bấp bênh (do bị ghen tỵ, kèn cựa) ông đã chọn lập nghiệp tại một nơi sau này có thể cho ông quyền độc lập. Đó là Hà Tiên, một vùng đất giàu có thích hợp cho khai phá, nằm giữa Lục Chân Lạp với Thủy Chân Lạp, ngã tư của các tiềm năng kinh tế và chính trị. Ông được cử làm quan cai trị các lãnh thổ dọc theo vịnh Xiêm và bắt đầu khai hoang và phát triển công việc cai trị, mậu dịch và nền văn hoá Trung Quốc trong khu vực đất đai của mình.

Người Xiêm do ghen tỵ trước sự trù phú nhanh chóng đó, đưa quân sang xâm lược. Mạc Cửu và thuộc hạ của ông bị bắt làm tù binh. Trước sự bất lực của nhà cầm quyền Campuchia trong việc bảo vệ mình, sau khi thoát khỏi tù đầy, Mạc Cửu xin tự đặt mình dưới quyền bảo hộ của Việt Nam vào năm 1708, lúc này do các Chúa Nguyễn nắm quyền bính (vào thời điểm này lãnh thổ Hà Tiên gồm các vùng Long Cai, Cần Vọt, Vương Thơm, Rạch Giá, Cà Mau và đảo Phú Quốc).

Vào năm 1735 sau khi ông mất, các chúa Nguyễn cử Mạc Thiên Tứ là con ông giữ chức quan cai trị. Ông này đã đánh bại và giết Hoắc Nhiêu là kẻ cầm

đầu giặc cướp, và chiếm lại tất cả các đảo, kể cả đảo Kokong vào năm 1767. Các quan cai trị dân sự và quân sự Việt Nam được cử đến giúp đỡ ông hoàn thành nhiệm vụ. Năm 1858, lấy lý do vua Tự Đức, Hoàng đế Việt Nam (1840-1885) ngược đãi các đoàn truyền đạo Cơ đốc, quân đội Pháp đánh chiếm Việt Nam. Việt Nam thua trận, phải ký Hiệp ước 1874 nhường cho Pháp 6 tỉnh ở Nam Kỳ, trong đó có tỉnh Hà Tiên, kể cả các đảo thuộc tỉnh này.

Thực dân Pháp thiết lập chính quyền thuộc địa và chính quyền bảo hộ ở Nam Kỳ (1867) và Campuchia (1863), họ đứng trước tình hình là tất cả các đảo trên vùng biển giữa Nam Kỳ và Campuchia đều thuộc chủ quyền của Việt Nam. Trong bản báo cáo tháng 1-1869, viên thanh tra Pháp Chessez đã viết "Ngay cả đảo Phú Dự cách bờ biển Campuchia 0,5 hải lý và đảo Tiên Mối cách đảo Phú Dự 1 hải lý cũng đều thuộc một làng Việt Nam"(2). Vì vậy, sau một thời gian khảo sát, ngày 25-5-1874 Thống đốc Nam Kỳ đã ký Nghị định thành lập một quận biển trực thuộc chính quyền Nam Kỳ bao gồm các đảo thuộc trấn Hà Tiên.

Ngày 11-8-1863, Campuchia cũng ký một hiệp ước với Pháp, theo đó Pháp bảo đảm việc bảo hộ bằng quân sự nước Campuchia chống mọi cuộc tấn công từ bên ngoài. Một viên Khâm sứ được bổ nhiệm bên cạnh vua Campuchia để theo dõi việc thi hành Hiệp ước. Về phía mình, vua Campuchia bị ngăn cấm không được có bất kỳ quan hệ nào với các cường quốc bên ngoài nếu không có

sự thoả thuận trước của nước Pháp. Sau đó, để nhiệm vụ tiến hành thuận lợi, nhà cầm quyền Pháp quyết định hoạch định rõ nước Campuchia và lập một Ủy ban Pháp - Khơme hỗn hợp có nhiệm vụ nghiên cứu vạch đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia và trình bày các kiến nghị của Ủy ban lên các cấp cao nhất. Việc vạch đường biên giới sau đó được ấn định "dứt khoát" tại Công ước 15-7-1873 giữa Vua Norodom và Chuẩn đô đốc Cornullier Lucimière nhân danh Nam Kỳ. Nhưng Công ước này không đề cập đến việc quy thuộc các đảo. Cả các Ủy ban phân định ranh giới được thành lập vào năm 1910 và năm 1935 cũng không đả động gì tới vấn đề đảo, và đương nhiên cũng không nói gì tới đường biên giới trên biển giữa hai nước. Nhưng vấn đề các đảo đã được giải quyết dứt khoát kể từ Hiệp định ngày 15-3-1874.

Ngày 25-5-1874, hai tháng sau khi có Hiệp ước, Chuẩn đô đốc, quyền Thống đốc và Tổng tư lệnh Krantz, công bố Nghị định No 124 tách đảo Phú Quốc và các đảo lân cận khác ra khỏi hạt Hà Tiên để lập thành một quận riêng biệt.

Điều 1 của Nghị định này và bản đồ mô tả nội dung của điều 1 (bản đồ số 4) như sau:

"Đảo Phú Quốc và tất cả các đảo nằm giữa kinh tuyến 100 và 102 độ Đông và giữa vĩ tuyến 9 và 11 độ 30' Bắc (kể cả quần đảo Nam Du) được tách ra khỏi hạt Hà Tiên và tạo thành một quận riêng biệt, được cai trị như mọi hạt tham biện khác của Nam Kỳ".

Đây là lần đầu tiên Nghị định nói trên nói rõ tính chất của các đảo trước

đây đã được An Nam nhượng cho nước Pháp theo Hiệp ước Hoà bình ký kết giữa hai nước ngày 15-3-1874. Thực vậy, điều này cho thấy một sự liên tục trong việc cai trị các đảo tiếp nối nhau giữa Pháp và An Nam.

Sau đó, một Nghị định thứ 2 ngày 16-6-1875, lại sáp nhập vào quận Hà Tiên, hạt tham biện Phú Quốc, do Duperré, Chuẩn đô đốc, Thống đốc và Tổng Tư lệnh ký tên.

Như vậy, và kể từ thời điểm nói trên các ranh giới của lãnh thổ Phú Quốc đã được xác định rõ, do đó chúng ta có thể xác định dễ dàng và với tất cả sự chính xác cần thiết danh mục các đảo đã bị Pháp thôn tính khi họ đóng vùng Hạ Nam Kỳ để thi hành Hiệp ước 1874.

Về phía người Campuchia, họ không có yêu cầu nào đối với bất kỳ đảo nào và chủ quyền của các đảo đã không được nêu ra khi ký Hiệp ước 1907 giữa Pháp và Xiêm, theo đó đại diện nước Pháp với tư cách là Toàn quyền Đông Dương chứ không phải là với danh nghĩa bảo hộ Campuchia, nhường cho Xiêm tất cả các đảo ở phía Bắc mũi Lemline, kể cả đảo Koh Kut. Về sau, Ủy ban được giao trách nhiệm vào năm 1910 tiến hành phân định các biên giới Nam Kỳ và Campuchia cũng không nhận được kiến nghị nào của bên Campuchia yêu cầu xác định các đảo của mỗi nước.

Tranh chấp chỉ bắt đầu vào năm 1931, khi Công sứ Pháp ở Kampot nhận được một đơn xin đặc nhượng một miếng đất trên đảo Koh Tang. Ngoài ra, ông Fournier, Tỉnh trưởng Hà Tiên, trong vòng không đầy một tháng đã nhận

được 14 bản khai về chu vi các mỏ chỉ liên quan đến các đảo trong vịnh. Các mỏ này chứa những vỉa rất giàu phốt phát, sắt khiến nhiều nhà thăm dò lưu tâm. Lấy lý do các đảo gần bờ biển Campuchia, Khâm sứ Campuchia kiến nghị Thống đốc Nam Kỳ giao các đảo đó cho chính quyền Campuchia vì: "Vị trí địa lý của các đảo này gắn bó chúng một cách tự nhiên vào Campuchia là nơi việc giám sát có thể tiến hành tốt hơn do gần nhà đương cục Campuchia". Theo yêu cầu của Thống đốc Nam Kỳ, Khâm sứ Campuchia bằng thư đã trả lời rằng: "Mặc dầu đã tiến hành tìm kiếm tỉ mỉ, vẫn không thể thu thập được các yếu tố nghiêm chỉnh cho phép xác định một cách tuyệt đối các quyền tương ứng của Nam Kỳ và Campuchia đối với các đảo trong vịnh Xiêm"<sup>(4)</sup>. Về việc này, ông Khâm sứ đưa ra một bản can vịnh Xiêm, trong đó có một ranh giới giả định được Phòng Địa bạ Campuchia trình bày mà theo ông có thể thích hợp vì "đường ranh giới đó có tính đến vị trí địa lý, các ảnh hưởng tương ứng của Nam Kỳ và của Campuchia và các sắc tộc của vài làng có các ngư dân định cư tại đó". Đường phân chia đó chạy gần như song song với vĩ tuyến 10<sup>0</sup> 30', ở phía Bắc đảo Phú Quốc, có thể cho Campuchia vài hòn đảo gần bờ biển của nước này; đó là các đảo Phú Dự, đảo Tiên Mối và đảo Dừa.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh ở đây là người Campuchia đã chỉ đưa ra yêu sách đối với nhóm các đảo gần Réam, và không yêu sách gì cả về đảo Phú Quốc lẫn nhóm các đảo Hải Tặc, hay nhóm các đảo ở ngoài biển khơi. Thống đốc

Nam Kỳ không chấp nhận kiến nghị nói trên và vấn đề bị treo lại cho đến năm 1936.

Khác với cuộc tranh cãi năm 1913, nguồn gốc cuộc tranh chấp trong thời kỳ 1936-1937 do các lý do về thuế khoá tạo ra. Chính quyền bảo hộ Campuchia lấy lý do thu thuế các ngư dân trong vùng, nêu ra việc cần thiết phải giải quyết dứt điểm vấn đề quyền sở hữu về các đảo đó.

Thực vậy, ngư dân Campuchia thường qua lại các đảo và các mỏm đá thuộc chủ quyền của Nam Kỳ để tiếp tế nước ngọt và để ẩn nấu khi thời tiết xấu. Cho đến năm 1935, ngư dân Campuchia vẫn đóng một phần thuế cho Campuchia. Tuy nhiên, do việc Nam Kỳ đặt các trạm thuế quan trên một số đảo và mức thuế lợi hơn nhiều so với tiền thuế do nhà đương cục Campuchia thu, nên dần dần họ từ chối không nộp thuế cho tỉnh Kampot, và họ muốn nộp thuế cho Nam Kỳ. Tất nhiên, sự thay đổi đó làm thiệt hại cho ngân sách địa phương Kampot. Khâm sứ Campuchia liền đề nghị với Thống đốc Nam Kỳ một tạm ước "Vì lý do quy chế đặc biệt của các lãnh thổ đó, là những lãnh thổ mặc dầu nằm trong lãnh hải của Campuchia, về pháp luật là thuộc chủ quyền của Nam Kỳ, đối với tôi sẽ có ích nếu chấp nhận đối với vấn đề thu thuế các vùng đánh cá một tạm ước modus vivendi tính đến tình hình thực tế hơn là tình hình pháp luật".- Thư của Khâm sứ Campuchia gửi Toàn quyền Đông Dương<sup>(4)</sup>.

Để giải quyết dứt điểm vấn đề thuế khoá, Tỉnh trưởng Hà Tiên đề ra việc lấy tiêu chuẩn là nơi cư trú hợp pháp của thuộc dân. Người địa phương ghi tên và cư trú ở Nam Kỳ, đánh cá ở các

vùng ngay gần các đảo của Nam Kỳ sẽ chịu chế độ thuế áp dụng tại thuộc địa này; trái lại, quy định đang thi hành ở Campuchia sẽ áp dụng đối với những người thuộc quốc tịch Campuchia và đóng thuế thân ở Campuchia. Tuy nhiên chính quyền bảo hộ Campuchia từ chối đề nghị hợp lý đó lấy lý do là nơi cư trú hợp pháp của ngư dân trước đây khó xác định chính xác vì ngư dân là đám cư dân sống bồng bềnh trên mặt nước, những người “chỉ có thể tìm đến chỗ họ bằng cách dùng ca nô đi đến những nơi họ đánh cá, và họ trước hết luôn tìm cách lẫn tránh các nhân viên thu thuế”. Công sứ Kampot gợi ý một giải pháp khác ấn định một ranh giới gần như song song với bờ biển, cách bờ biển 5km (3 hải lý); phía trong đường nói trên phân định, các vùng đánh cá sẽ được đặt dưới quy định của Campuchia; phía ngoài đường, chúng sẽ chịu các khoản thuế áp dụng ở Nam Kỳ.

Cần lưu ý là nếu kiến nghị này được chấp nhận, các đảo Phú Dự, Tiên Mới và đảo Dừa sẽ nằm trong lãnh hải của Campuchia và “Campuchia, nước bảo hộ, sẽ được kiểm soát một phần lãnh thổ Nam Kỳ, xứ có chủ quyền đầy đủ”. Tất nhiên nhà cầm quyền Nam Kỳ không muốn như vậy. Nhưng vì cho rằng giải pháp này sẽ gây ra những trở ngại đáng kể, Khâm sứ Campuchia kết luận là nên giữ nguyên trạng, và đề nghị Thống đốc Nam Kỳ đồng ý. Do đó, nhà cầm quyền Campuchia có thể tiếp tục như trước đây thu thuế của một số ngư dân Campuchia, sống trên các đảo của Nam Kỳ gần bán đảo Réam và bờ biển Campuchia. Bằng bức thư No 13124

ngày 8-12-1936, Thống đốc Nam Kỳ cho biết là ông đồng ý với quan điểm của Khâm sứ Campuchia về việc nên duy trì nguyên trạng, với điều kiện là chính quyền bảo hộ:

“1- Nhân danh nước Bảo hộ, đồng ý là các đảo có liên quan, được nêu tên cụ thể, là thuộc chủ quyền Nam Kỳ;

2- Quyết định các khoản thuế đang thu hiện nay không vì lý do gì sẽ có thể mở rộng sang các đảo khác;

3- Quyết định rằng khoản bồi hoàn nguyên tắc 100\$ mỗi năm sẽ được tỉnh Kampot trả cho tỉnh Hà Tiên”<sup>(3)</sup>.

Sau đó, chính phủ Bảo hộ Campuchia cho rằng phải đưa cuộc tranh chấp lên người đứng đầu thuộc địa, lợi dụng thời điểm bổ nhiệm Toàn quyền Đông Dương mới là Brevie mà tên tuổi gắn liền với lịch sử các quan hệ trên biển giữa Campuchia và Việt Nam.

Như vậy là Khâm sứ Pháp ở Campuchia đã đặt ra vấn đề chuyển giao một số đảo từ trước đến năm 1937 thuộc Nam Kỳ sang cho Campuchia. Theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 20-9-1915 thì “mọi sự chuyển dịch lãnh thổ giữa các xứ trong Đông Dương thuộc Pháp được thực hiện bằng một nghị định của Toàn quyền Đông Dương, được Hội đồng Chính phủ Đông Dương thông qua, sau khi có ý kiến của Hội đồng Bảo hộ, Hội đồng Thuộc địa. Các Nghị định đó chỉ có hiệu lực khi được các Bộ trưởng Thuộc địa chuẩn y”. Chấp hành quy định đó, Toàn quyền Đông Dương Brevie đã gửi cho Khâm sứ Pháp ở Campuchia và Thống đốc Nam Kỳ bản dự thảo nghị định vạch một đường xuất

phát từ biên giới đất liền giữa Campuchia và Nam Kỳ, chạy ra biển vòng qua Bắc đảo Phú Quốc cách các điểm nhô ra nhất của bờ Bắc đảo Phú Quốc 3km, coi đó là đường biên giới giữa hai bên. Các đảo phía Bắc đường này được sát nhập vào Campuchia, các đảo phía Nam đường này tiếp tục thuộc Nam Kỳ.

Hội đồng bảo hộ Campuchia đã đồng ý với dự thảo, nhưng Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ trong phiên họp ngày 26-1-1938 đã nhất trí không đồng ý với dự thảo và đề nghị: xét về cả ba mặt lịch sử, chính trị và dân tộc “các đảo đó cần được tiếp tục thuộc Nam Kỳ”.

Trước tình hình đó, Toàn quyền Đông Dương không ra Nghị định về chuyển dịch lãnh thổ giữa hai xứ mà dùng một hình thức thấp hơn hẳn là gửi một bức thư ngày 31-1-1939 cho Thống đốc Nam Kỳ vạch một đường kinh tuyến Bắc một góc 140G, đường đó vòng qua Bắc đảo Phú Quốc cách các điểm nhô ra nhất của bờ phía Bắc đảo Phú Quốc 3 km (trong thư không nói rõ đường đó chấm dứt ở đâu). Tất cả các đảo ở phía Bắc con đường này từ nay sẽ do Campuchia quản lý; tất cả các đảo phía Nam con đường này, kể cả toàn bộ đảo Phú Quốc sẽ tiếp tục do Nam Kỳ quản lý (trong thư dùng hai từ khác nhau: đối với Campuchia là “từ nay”, còn đối với Nam Kỳ là “tiếp tục”). Bức thư nói rõ: “Đương nhiên là ở đây chỉ đề cập đến vấn đề hành chính và cảnh sát, còn vấn đề quy thuộc lãnh thổ của các đảo này hoàn toàn được bảo lưu”. Bức thư này được đồng gửi cho Khâm sứ Pháp ở Campuchia. Ông này cho đăng bức thư trong Công báo Campuchia trong mục

thông tư (nên về sau có người lầm lẫn gọi là thông tư Brevie), khi đăng đã có cắt câu của bức thư khẳng định việc hoàn toàn bảo lưu vấn đề quy thuộc lãnh thổ. Thống đốc Nam Kỳ đã không cho đăng bức thư Brevie trong Công báo. Vì bức thư không được đăng trong Công báo Đông Dương và Công báo Nam Kỳ, bản được đăng ở Công báo Campuchia lại không theo đúng nguyên bản nên cho đến nay cả ta và Campuchia đều chưa tìm thấy sơ đồ của đường Brevie đính kèm theo bức thư của Toàn quyền Đông Dương. Cũng vì vậy, hiện nay có nhiều cách thể hiện về đường Brevie. Ví dụ:

Trong luận án tiến sĩ của Sarin Chaak, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Campuchia thời Sihanouk, đường Brevie được thể hiện không phải là một đường liên tục mà là một đường đứt đoạn với 4 đoạn cách nhau khá xa.

Bộ Tư lệnh Hải Quân Sài Gòn khi công bố đường ranh giới tuần tiễu trên biển đã thể hiện đường Brevie chấm dứt ngay ở Đông Bắc Phú Quốc.

Tiến sĩ Mark Valencia thuộc trung tâm Đông - Tây của Hoa Kỳ trong một cuốn sách xuất bản năm 1985 đã thể hiện đường Brevie theo các đoạn thẳng, cách các điểm nhô ra nhất của đảo Phú Quốc 3km. Đây cũng là cách mà Prescott, giáo sư người Úc thể hiện trong một cuốn sách xuất bản năm 1981.

Cách thứ tư là cách vẽ của chính quyền Pôn Pốt khi công bố bản đồ nước Campuchia tháng 8-1977. Đây là cách thể hiện xa rời câu chữ của bức thư Brevie nhất: trong thư viết đường Brevie vòng qua Bắc đảo Phú Quốc,

cách điểm nhô ra nhất của bờ Bắc đảo Phú Quốc 3km thì sơ đồ này đã thể hiện đường Brevie vòng từ phía Bắc đảo rồi trở lại về phía Đông Nam đảo theo một đường liên tục, điểm nào cũng cách bờ biển Phú Quốc 3km.

Như vậy, từ đầu thế kỷ 18 cho đến trước năm 1939, về lịch sử và pháp lý toàn bộ các đảo giữa Việt Nam và Campuchia thuộc chủ quyền của Việt Nam. Chỉ từ năm 1939, Campuchia mới chính thức quản lý về mặt hành chính và cảnh sát các đảo ở phía Bắc đường Brevie. Tuy vậy, chính quyền Nam Kỳ và sau đó là chính quyền Sài Gòn không chấp nhận, vẫn coi các đảo Wai, Phú Dự, Tiên Mối và nhóm Bắc Hải Tặc thuộc chủ quyền của Việt Nam. Đến năm 1956, Campuchia đưa quân ra chiếm đảo Phú Dự, chiếm nhóm đảo Bắc Hải Tặc năm 1958 và đảo Wai năm 1966.

Trong năm 1972, chính quyền Lonol ra Sắc lệnh về ranh giới thêm lục địa (số 439-72/PRK, ngày 1-7-1972) và Sắc lệnh quy định hệ thống đường cơ sở và lãnh hải Campuchia (số 518-72/PRK, ngày 12-8-1972) quy thuộc các đảo Phú Quốc và Thổ Chu của Việt Nam vào lãnh thổ Campuchia.

Năm 1976, chính quyền Ponpot đòi lấy đường Brevie làm đường biên giới biển giữa hai nước vì theo họ “đường này đã được sử dụng như đường biên giới trong gần 40 năm qua”. Cũng trong năm đó, Việt Nam đã chính thức trao chủ quyền đảo Wai cho Campuchia.

Ngày 31-7-1982, Cộng hoà nhân dân Campuchia đã ra tuyên bố hệ thống đường cơ sở thẳng bao gồm cả các đảo nằm xa bờ như đảo Wai.

Năm 1982, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp định về Vùng nước lịch sử giữa hai nước, trong đó thoả thuận “lấy đường Brevie được vạch ra năm 1939 làm đường phân chia các đảo trong khu vực này” và “sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp... để hoạch định đường biên giới biển giữa hai nước”. Đây là lần đầu tiên hai nước thừa nhận chủ quyền của các bên đối với các đảo giữa hai nước. Hiệp định này đã nâng đường Brevie từ ranh giới quản lý hành chính và cảnh sát thành đường phân chia chủ quyền đảo giữa hai nước nhưng cũng xác nhận giữa hai nước chưa có đường biên giới biển.

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Jennar Raoul Mare (2001), Các đường biên giới của các nước Campuchia cận đại, Tập 1, 2, Tài liệu tham khảo Ban biên giới của Chính phủ, Hà Nội.
- Vụ biển, Ban biên giới của Chính phủ, Lịch sử tranh chấp biên giới biển Việt Nam – Campuchia, Hà Nội.
- Michel Blanchard (1999), Việt Nam – Campuchia: Một đường biên giới còn tranh cãi, Nhà xuất bản L' Harmattan, Tài liệu tham khảo Ban biên giới của Chính phủ, Hà Nội.
- Nguyễn Hồng Thao (1993), Việt Nam – Campuchia vấn đề phân định biển, Luận văn thạc sỹ khoa học, Paris.
- Khim. Y, Nước Campuchia và vấn đề mở rộng các vùng biển trong vịnh Thái Lan, Luận văn tiến sỹ quốc gia về luật, Tài liệu tham khảo Ban biên giới của Chính phủ, Hà Nội.